

**KHUNG KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2025**

*(Kèm theo Văn bản số /BTTTT-CĐSQG ngày /9/2024  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2024**

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương.**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**2. Về công tác hoàn thiện thể chế số**

**2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện**

**3. Hạ tầng số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**5. Dữ liệu số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**6. An toàn thông tin mạng**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

**7. Chính phủ số**

*Đánh giá các nội dung về cung cấp DVC trực tuyến; phát triển các nền tảng,*

*ứng dụng phục vụ quản trị, điều hành nâng cao năng lực, quản trị, điều hành, năng lực thực thi; ứng dụng, triển khai trí tuệ nhân tạo, ...*

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

### **8. Kinh tế số và Xã hội số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

### **9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số**

#### **9.1. Ngày Chuyển đổi số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

#### **9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

#### **9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số**

a) Kết quả đạt được:

b) Tồn tại, hạn chế:

### **10. Kinh phí thực hiện**

Nêu tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2024 (*Danh mục các dự án được nêu trong một phụ lục riêng, thông tin về mỗi dự án bao gồm: Tên, mục tiêu, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện, hiệu quả/hiện trạng*); tỷ lệ chi so với tổng chi ngân sách nhà nước; ...

## **Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025**

### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Xác định những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, trong đó lưu ý một số văn bản như:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng

*Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;*

*- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;*

*- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".*

*- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;*

*- Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;*

*- [các Nghị quyết; Kế hoạch; Chỉ thị; .... về chuyển đổi số của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cho giai đoạn 2024-2025, giai đoạn 2026-2030]*

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

### **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

Mục tiêu kế hoạch đặt ra phải thiết thực, bám sát thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá; các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, có tính khả thi, rõ phương pháp đánh giá, đo lường kết quả; gắn liền với thực hiện mục tiêu theo kế hoạch 5 năm của bộ, ngành, địa phương, kế hoạch của quốc gia.

Một số chỉ tiêu cơ bản, phấn đấu thực hiện đến hết năm 2025 kèm theo.

## **III. NHIỆM VỤ**

*Các nhiệm vụ bám sát yêu cầu, nhiệm vụ định hướng tại Văn bản hướng dẫn.*

### **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số**

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **2. Thể chế, chính sách số**

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **3. Hạ tầng số**

Xác định nội dung phát triển hạ tầng số cụ thể tới cấp phường, xã đối với các tỉnh; tới cấp đơn vị trực thuộc đối với cấp Bộ trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng hạ tầng số dùng chung trên cơ sở xác định đúng, đủ đáp ứng yêu cầu đặt ra.

### **4. Nhân lực số**

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **5. Phát triển dữ liệu số**

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **6. An toàn thông tin mạng**

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **7. Chính phủ số**

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể: cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số; ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo để phát triển các nền tảng, công cụ hỗ trợ (trợ lý ảo, ...); yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **8. Kinh tế số và xã hội số**

Xác định cụ thể những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra; các nhiệm vụ, giải pháp phải gắn liền với việc thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch đề ra; bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển kinh tế số nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

### **9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin**

Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn trên môi trường số. yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

## **IV. GIẢI PHÁP**

Xác định các giải pháp để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ kế hoạch đề ra, trong đó, có một số giải pháp điển hình như:

### **1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số**

Kiện toàn BCD chuyển đổi số; gắn kết với cải cách hành chính; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của BCD.

### **2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng**

## **kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp**

Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

### **3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số**

- Biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngành nâng ngạch, ...

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển nhu dữ liệu, bán dẫn,

### **4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

### **5. Đảm bảo nguồn lực tài chính**

Bổ trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

### **6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế**

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, tổ chức.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Xác định danh mục nhiệm vụ, dự án cụ thể, trong đó với cần xác định rõ kết quả dự kiến đạt được, hiệu quả đem lại; thời hạn hoàn thành; đơn vị triển khai; nguồn kinh phí thực hiện;...

**DANH MỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHẦN ĐẦU HOÀN THÀNH ĐẾN HẾT  
NĂM 2025**

*(Kèm theo Khung Kế hoạch chuyển đổi số cấp bộ, tỉnh năm 2025)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trung bình toàn quốc đạt tỷ lệ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện. Trong đó, đối với các bộ, ngành đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 80%; các địa phương đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 95%.
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến trung bình toàn quốc đạt 70%. Trong đó, đối với các bộ, ngành đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 85%; các địa phương đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%.
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử trung bình toàn quốc đạt 100%.
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.
6	100% hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành kết nối với Hệ thống thông tin cáo cáo Chính phủ.
7	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp bộ, tỉnh đạt 90%; cấp huyện đạt 80%; cấp xã đạt 60%.
9	Tỷ trọng kinh tế số trên GDP đạt tối thiểu 20%.
10	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%.
11	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

12	100% trung tâm thương mại trên toàn quốc; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.
13	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.
14	Hình thành và triển khai tối thiểu 01 trung tâm dữ liệu quốc gia - hạ tầng phục vụ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung khác theo quy định của pháp luật.
15	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) độ trễ thấp sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo.
16	100% các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.
17	Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.
18	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%.
19	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn quốc triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.
20	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.
21	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;
22	Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.